TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-02-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn và quyền nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến.
Ông Nguyễn Thanh Minh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ngày 15 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022, về việc: "Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1992.(0366724865)
Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, Tiền Giang.
- Bị đơn: Đoàn Phước B, sinh năm: 1994.(0971826760)
Địa chỉ: Ấp 5, xã Đ, huyện T, Đồng Tháp.

(Anh (chị) T, B có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Nguyễn Thị Bích T trình bày*: Anh B và chị cưới nhau được Ủy ban nhân dân xã Đốc Binh Kiều cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/3/2021. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc, nhưng khoảng thời gian sau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên dẫn đến bất hòa, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Đến nay thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn níu kéo được nữa, chị T yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Phước B;

- Quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Đoàn Thị Bảo Tr, sinh ngày 15/3/2022. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh B cấp dưỡng cho Bảo Tr mỗi tháng 3.000.000đ;

- Quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có.

Anh Đoàn Phước B trình bày: Chị T và anh cưới nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng anh đã ly thân 05 tháng nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn, anh đồng ý;

- Quan hệ nuôi con: Thống nhất với lời trình bày của chị T, giữa anh và chị T có 01 con chung tên Đoàn Thị Bảo Tr, sinh ngày 15/3/2022, hiện Bảo Tr đang sống chung với anh. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng;

- Quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được ly hôn với bị đơn và yêu cầu được quyền nuôi con chung, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Đoàn Phước B có địa chỉ tại ấp 5, xã Đốc Binh Kiều, huyện Tháp Mười nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Phước B. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh B có thời gian tìm hiểu quen biết yêu thương nhau và được cha, mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2021, thời gian đầu cả hai có cuộc sống hạnh phúc. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị T, anh B không tôn trọng tình cảm đã có, thường xuyên để mâu thuẫn xảy ra, làm cho không khí trong gia đình lúc nào cũng căng thẳng, dẫn đến sống ly thân, chị T về nhà cha mẹ ruột. Từ ngày vợ chồng ly thân đến nay chị T với anh B không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau và cũng không có một giải pháp nào để đoàn tụ, điều đó chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ. Mặt khác, tại phiên tòa, anh B đồng ý ly hôn. Xét sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quan hệ nuôi con: Chị T và anh B thừa nhận có 01 con chung tên Đoàn Thị Bảo Trăm, sinh ngày 15/3/2022, hiện Bảo Trăm đang sống với anh B. Chị T yêu cầu được quyền nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000đ. Theo ý kiến của anh B thì anh B cũng yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Xét thấy, con chung của chị T với anh B tên Đoàn Thị Bảo Tr, sinh ngày 15/3/2022 tính đến ngày 15/02/2023, chỉ có 11 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 như sau:*"3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao trực tiếp cho mẹ nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Tuy nhiên, từ khi Bảo Trăm được 03 tháng mấy tuổi, đây là giai đoạn bé Bảo Tr vẫn còn bú sữa mẹ và rất cần sự chăm sóc yêu thương của mẹ nhưng chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và để bé Bảo Trăm ở lại cho anh B chăm sóc nuôi dưỡng tại ấp 5, xã Đốc Binh Kiều cho đến nay. Từ khi ly thân đến nay, chị T cũng không tới lui thăm hỏi và gửi sữa hay quà cho bé Bảo Tr, cho thấy đây là sự thiếu trách nhiệm của chị T trong vai trò người mẹ. Bên cạnh đó, việc bé Bảo Trăm sống ổn định với anh B tại ấp 5, xã Đốc Binh Kiều từ tháng 06/2022 cho đến nay cho thấy dưới sự chăm sóc của anh B và ông bà nội thì bé Bảo Trăm đã có một môi trường sống ổn định và phát triển tốt. Mặt khác, xét về mặt kinh tế thì anh B hiện có thu nhập ổn định 14.000.000đ/ tháng từ việc đi làm công ty đã đủ điều kiện để tiếp tục nuôi con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của anh B về việc được nuôi Bảo Tr, không yêu cầu chị T cấp dưỡng là căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan hệ tài sản: Chị T và anh B thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh B thống nhất không có nợ ai và cũng không cho ai mượn nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0008396 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Bích T đã nộp đủ án phí;

Anh Đoàn Phước B không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Bích Thị T, anh Đoàn Phước B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T với anh Đoàn Phước B.

- Quan hệ nuôi con: Anh Đoàn Phước B được quyền nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Thị Bảo Tr, sinh ngày 15/3/2022. Anh B không yêu cầu chị Nguyễn Thị Bích T cấp dưỡng nuôi con;

Chị Nguyễn Thị Bích T, anh Đoàn Phước B có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Chị Nguyễn Thị Bích T được quyền thăm con mà không ai cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0008396 ngày 23/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Bích T đã nộp đủ án phí;

Anh Đoàn Phước B không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Bích Thị T, anh Đoàn Phước B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS Huyện;
-Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (D).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Diệu